

THÔNG BÁO

**KẾT LUẬN CỦA ĐỒNG CHÍ TỔNG BÍ THƯ, CHỦ TỊCH NƯỚC TÔ LÂM
tại buổi làm việc với các cơ quan về tình hình thực hiện**

**Nghị quyết số 13-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI
và Kết luận số 72-KL/TW của Bộ Chính trị khoá XIII về xây dựng kết cấu
hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp
theo hướng hiện đại**

Ngày 06/8/2026, đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm đã chủ trì buổi làm việc với Đảng uỷ Chính phủ và các cơ quan về tình hình thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI và Kết luận số 72-KL/TW của Bộ Chính trị khoá XIII về xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Tham dự buổi làm việc có một số đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Trung ương Đảng; lãnh đạo một số ban, bộ, ngành Trung ương. Sau khi nghe báo cáo của đại diện Đảng uỷ Chính phủ, ý kiến của các đồng chí dự buổi làm việc, đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm kết luận như sau:

1. Những năm qua, hệ thống kết cấu hạ tầng nước ta (bao gồm: Hạ tầng giao thông, hạ tầng năng lượng, viễn thông, đô thị; hạ tầng khu công nghiệp, khu kinh tế, logistics; hạ tầng giáo dục, y tế, văn hoá, khoa học, công nghệ, thủy lợi, phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu...) đã có bước phát triển rõ rệt, góp phần tăng cường kết nối, mở rộng không gian phát triển và cải thiện điều kiện sản xuất, kinh doanh, đời sống Nhân dân. Hạ tầng ngày càng trở thành yếu tố quan trọng quyết định năng lực cạnh tranh quốc gia. Những kết quả đạt được thể hiện quyết tâm lớn, nỗ lực cao và năng lực tổ chức thực hiện ngày càng được nâng lên của cả hệ thống chính trị; nhất là sự lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời của các cấp uỷ Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; sự vào cuộc của các bộ, ngành, địa phương, cộng đồng doanh nghiệp; cùng những đóng góp trách nhiệm, bền bỉ của đội ngũ cán bộ, kỹ sư, công nhân trên các công trường cả nước.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, kết cấu hạ tầng vẫn chưa đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế nhanh, bền vững, còn khoảng cách lớn so với

hiệu quả khai thác. Cơ chế, chính sách, pháp luật, phân cấp, phân quyền về phát triển kết cấu hạ tầng còn thiếu đồng bộ; sự phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương chưa chặt chẽ; điều phối liên ngành chưa phát huy hiệu quả; chất lượng chuẩn bị dự án, lựa chọn hình thức đầu tư, đánh giá hiệu quả chưa kỹ; quản trị, khai thác kết cấu hạ tầng chưa chuyên nghiệp, hiện đại; cơ sở dữ liệu còn phân tán, thiếu kết nối. Kết cấu hạ tầng vẫn là một điểm nghẽn đối với phát triển kinh tế - xã hội, liên kết vùng và hội nhập quốc tế.

2. Trước tình hình trên, cần đổi mới tư duy phát triển kết cấu hạ tầng trên 5 phương diện chính sau đây:

Thứ nhất, bảo đảm tính đồng bộ, liên thông trong quy hoạch và đầu tư. Các loại hình hạ tầng phải được tổ chức thống nhất theo hành lang kinh tế và không gian phát triển vùng, khắc phục tình trạng riêng lẻ, thiếu kết nối.

Thứ hai, lấy chất lượng phục vụ và hiệu quả thực tế làm mục tiêu. Hạ tầng phải đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người dân, doanh nghiệp và nâng cao năng suất, năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, không chỉ chú trọng mở rộng quy mô công trình.

Thứ ba, phát triển hài hoà hạ tầng vật chất, hạ tầng số và hạ tầng tự nhiên. Các công trình phải được ứng dụng dữ liệu, cảm biến và công nghệ thông minh; đồng thời bảo vệ, phát huy vai trò của rừng ngập mặn, hồ điều hoà, hành lang sông và các hệ sinh thái tự nhiên.

Thứ tư, phát triển kết cấu hạ tầng phải trở thành một ngành kinh tế chiến lược, tạo ra thị trường lớn để phát triển năng lực sản xuất trong nước. Các công trình đường sắt, năng lượng, đô thị, cảng biển và hạ tầng số phải thúc đẩy song hành sự phát triển của các ngành công nghiệp nội địa (xây dựng, cơ khí, luyện kim, vật liệu mới, thiết bị điện, tin hiệu, tự động hoá, phần mềm, tư vấn thiết kế và quản lý vận hành), tạo không gian cho doanh nghiệp Việt Nam tích lũy công nghệ, kinh nghiệm và năng lực thực hiện các công đoạn có giá trị gia tăng, làm chủ các công nghệ cao và những dự án lớn.

Thứ năm, phát huy vai trò định hướng, dẫn dắt của Nhà nước trong huy động nguồn lực. Đầu tư công phải tạo hiệu ứng dẫn dắt, lan toả, tập trung vào những công trình nền tảng, thiết yếu, liên vùng; các dự án có khả năng thu hồi vốn phải được chuẩn bị tốt, phân bổ rủi ro hợp lý để thu hút vốn tư nhân và các nguồn vốn dài hạn.

3. Trên cơ sở đó, việc phát triển kết cấu hạ tầng trong thời gian tới cần tập trung vào 5 nhóm nhiệm vụ trọng tâm sau đây:

Một là, đổi mới công tác quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng bảo đảm đồng bộ, thống nhất với Chiến lược phát triển đất nước, tổ chức không gian kinh tế và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia; bảo đảm tầm nhìn dài hạn, liên ngành, liên vùng và khả năng thích ứng với những thay đổi về công nghệ, thị trường, dân số, khí hậu. Phát triển đồng bộ giữa hạ tầng kinh tế, hạ tầng xã hội, hạ tầng số, dữ liệu, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; tăng cường liên thông giữa các phương thức vận tải, giữa giao thông với năng lượng, logistics, đô thị; kết nối giữa các ngành, các vùng, giữa đô thị và nông thôn, giữa trong nước và quốc tế; gắn phát triển hạ tầng kinh tế, xã hội với các mục tiêu bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường, chuyển đổi số và chuyển đổi xanh. Hoàn thiện cơ chế phối hợp, điều phối và huy động nguồn lực vùng, nhất là đối với các công trình liên vùng, theo nguyên tắc các địa phương cùng quyết định, cùng góp vốn, cùng chịu trách nhiệm và cùng hưởng lợi.

Hai là, đổi mới căn bản quản lý đầu tư và quản trị tài sản kết cấu hạ tầng. Nâng cao chất lượng công tác chuẩn bị đầu tư, xây dựng và khai thác dự án, chú trọng quản trị toàn bộ vòng đời công trình. Chỉ quyết định đầu tư khi có đánh giá đầy đủ các điều kiện về quy hoạch, đất đai, mặt bằng, nguồn vốn, vật liệu, công nghệ, nhân lực và hạ tầng kết nối. Xác định rõ chủ thể quản lý, phương án vận hành, bảo trì và khai thác ngay từ khi quyết định đầu tư. Làm rõ trách nhiệm đối với các dự án chậm tiến độ, điều chỉnh nhiều lần, đội vốn hoặc khai thác kém hiệu quả. Khẩn trương xây dựng cơ sở dữ liệu thống nhất về quy hoạch, dự án và tài sản kết cấu hạ tầng; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo trong đầu tư, quản lý và vận hành tài sản hạ tầng quốc gia. Hiệu quả đầu tư không chỉ là tỉ lệ giải ngân mà là tiến độ, chất lượng, khả năng kết nối và hiệu quả khai thác công trình.

Ba là, tập trung nguồn lực cho các hệ thống hạ tầng chiến lược. Hoàn thiện các hành lang giao thông, logistics trục Bắc - Nam và Đông - Tây; phát triển vận tải thủy, vận tải biển, đường sắt quốc gia, đường sắt đô thị gắn với chuyển giao công nghệ, phát triển công nghiệp trong nước. Phát triển đồng bộ, hợp lý nguồn điện, truyền tải điện, lưu trữ điện; phát triển hạ tầng số, năng lực tính toán quốc gia. Xử lý các điểm nghẽn về hạ tầng đô thị, hạ tầng xã hội; nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo đảm an ninh nguồn nước, an toàn hồ đập, nhất là tại các trung tâm công nghiệp, cảng biển, đô thị ven biển và vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Bốn là, đổi mới cơ chế huy động và phân bổ nguồn lực. Đầu tư công tập trung cho hạ tầng nền tảng, liên vùng, công trình quan trọng quốc gia, quốc phòng, an ninh, hạ tầng công ích, hạ tầng xã hội thiết yếu, vùng khó khăn; khắc phục phân bổ dàn trải, kéo dài. Đa dạng hoá các hình thức đầu tư phù hợp nhằm huy động các nguồn lực xã hội tham gia phát triển kết cấu hạ tầng, nhất là trong

bối cảnh đang triển khai đồng thời nhiều dự án hạ tầng chiến lược. Tiếp tục hoàn thiện cơ chế hợp tác theo phương thức đối tác công tư (PPP); phát triển các kênh huy động vốn trung và dài hạn; khai thác hiệu quả phân giá trị đất tăng thêm do hạ tầng tạo ra; đa dạng hoá nguồn vốn quốc tế. Bảo đảm công khai, minh bạch; gắn sử dụng công nghệ nước ngoài với đào tạo nhân lực, chuyển giao công nghệ, nâng cao tỉ lệ nội địa hoá và từng bước làm chủ công nghệ chiến lược.

Năm là, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với phân bổ nguồn lực phù hợp, nâng cao năng lực thực thi và trách nhiệm giải trình. Việc gì địa phương làm tốt thì mạnh dạn giao địa phương; các công trình liên ngành, liên vùng, có ý nghĩa chiến lược quốc gia phải có cơ chế điều phối thống nhất và một đầu mối chịu trách nhiệm. Tăng cường quản lý tài sản hạ tầng quốc gia và kiểm soát rủi ro; không vì tiến độ mà coi nhẹ chất lượng và an toàn công trình; tăng cường phòng, chống tham nhũng, lãng phí và giữ nghiêm kỷ luật đầu tư.

4. Đến năm 2045, Việt Nam phải có hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, thông minh, xanh, an toàn, có khả năng chống chịu cao; kết nối thông suốt lãnh thổ, gắn kết kinh tế trong nước với thị trường thế giới. Tầm nhìn đó cần được thể hiện qua hệ thống kết cấu hạ tầng với 7 thành tố đặc trưng là:

(i) Xây dựng hạ tầng giao thông trục xương sống Bắc - Nam và hành lang Đông - Tây thế hệ mới. Trong đó, trục Bắc - Nam cần tích hợp đường bộ, đường sắt, hạ tầng năng lượng, cáp quang và logistics, gắn với các đô thị, trung tâm công nghiệp và dịch vụ mới; hành lang Đông - Tây kết nối vùng nội địa với cảng biển, cửa khẩu và mạng lưới logistics khu vực. Quỹ đất, không gian phát triển phải được dự trữ, bảo vệ với tầm nhìn ít nhất 50 năm.

(ii) Xây dựng mạng lưới năng lượng - dữ liệu quốc gia. Quy hoạch đồng bộ nguồn năng lượng, điện, hệ thống truyền tải, tuyến cáp quang biển, trung tâm dữ liệu và các cụm tính toán hiệu năng cao sử dụng năng lượng sạch. Đến năm 2045, Việt Nam cần có năng lực tính toán quốc gia thuộc nhóm dẫn đầu Đông Nam Á, bảo đảm chủ quyền dữ liệu và cung cấp hạ tầng trí tuệ nhân tạo cho Nhà nước, doanh nghiệp và các trung tâm nghiên cứu.

(iii) Nâng cao năng lực hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu và quản lý nguồn nước. Xây dựng hệ thống điều hành nguồn nước trên cơ sở dữ liệu thời gian thực, liên kết hồ chứa, thủy lợi, thủy điện, cấp nước, chống ngập và kiểm soát xâm nhập mặn. Khu vực đồng bằng sông Cửu Long, các đô thị ven biển, trung tâm công nghiệp và cụm cảng lớn cần có chương trình, tiêu chuẩn chống chịu riêng, kết hợp công trình kỹ thuật với hạ tầng tự nhiên.

(iv) Xây dựng Việt Nam trở thành quốc gia có năng lực cung cấp dịch vụ công nhanh chóng, thuận tiện nhất. Đến năm 2045, mọi người dân được tiếp cận

thuận lợi với việc làm, giáo dục, y tế, dịch vụ công và thị trường, trực tiếp hoặc thông qua hạ tầng số. Phát triển đồng bộ đường sắt đô thị, đường sắt vùng tại các đô thị lớn, tăng cường kết nối với các trung tâm việc làm, nâng cao hiệu quả hạ tầng và công bằng về cơ hội phát triển.

(v) Xây dựng, định hình phát triển cơ sở hạ tầng theo hướng đa tầng (hạ tầng ngầm, hạ tầng biển, hạ tầng tầm thấp và từng bước xây dựng hạ tầng không gian vũ trụ). Các đô thị lớn phải quy hoạch, số hoá thống nhất hạ tầng ngầm; tổ chức đồng bộ cảng biển, logistics, năng lượng, đô thị biển với quốc phòng, an ninh; xây dựng hành lang bay và hệ thống điều hành các dịch vụ tầm thấp. Đồng thời, phát triển năng lực vệ tinh, trạm mặt đất, quan sát Trái đất, định vị và thông tin liên lạc, tạo nền tảng cho kinh tế số, quản lý tài nguyên, phòng, chống thiên tai và bảo vệ chủ quyền.

(vi) Hiện đại hoá hệ điều hành hạ tầng quốc gia, hình thành mô hình số thống nhất về giao thông, năng lượng, viễn thông, thuỷ lợi, đô thị, công nghiệp, dân cư, đất đai và môi trường. Các dự án lớn phải được mô phỏng trước khi đầu tư và giám sát theo thời gian thực khi vận hành, qua đó hạn chế quy hoạch chồng chéo, thiếu kết nối và quản lý tài sản bị động.

(vii) Kiến tạo những công trình biểu trưng cho tầm vóc quốc gia. Dấu ấn thời đại không chỉ nằm ở quy mô công trình, mà ở năng lực Việt Nam làm chủ thiết kế, công nghệ, xây dựng, vận hành và quản trị.

Trên đây là ý kiến kết luận của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước tại buổi làm việc với Đảng uỷ Chính phủ và các cơ quan về tình hình thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI và Kết luận số 72-KL/TW của Bộ Chính trị khoá XIII về xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Văn phòng Trung ương Đảng xin thông báo để các cơ quan có liên quan biết, thực hiện.

Nơi nhận:

- Bộ Chính trị, Ban Bí thư (để báo cáo);
- Đảng uỷ Chính phủ;
- Đảng uỷ Quốc hội;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc của Đảng ở Trung ương;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- Các tỉnh uỷ, thành uỷ;
- Lãnh đạo Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Vụ Tham mưu tổng hợp: VNC, NTLA, NAD, HVH, ĐVT, PDK;
- Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.

K/T CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG



Vũ Thành Hưng